

Số: 253 /XN-DP

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0242.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước TT. Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 22/4/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 22/04/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                                              | Phương pháp                                           | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL)                         | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 23/04/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)                          | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 23/04/2020      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)                             | TCVN 6186- 1996 (*)                                   | 0,64                | 2                   | 22/04/2020      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                                         | SMEWW 4500 - Cl F-2012                                | 0,42                | 0,3 - 0,5           | 22/04/2020      |
| 5   | Clorua (mg/L)                                         | SMEWW 4500 - Cl <sup>-</sup> B - 2012 (*)             | 18,00               | 250,00              | 23/04/2020      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SMEWW 2340C - 2012 (*)                                | 248,00              | 300,00              | 23/04/2020      |
| 7   | Độ đục (NTU)                                          | SMEWW 2130B - 2012                                    | 0,75                | 2                   | 22/04/2020      |
| 8   | Độ màu (màu sắc) (TCU)                                | SMEWW 2120C - 2012 (*)                                | 5,47                | 15                  | 22/04/2020      |
| 9   | Mangan tổng số (mg/L)                                 | SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)                          | 0,07                | 0,3                 | 22/04/2020      |
| 10  | Mùi vị                                                | Cảm quan                                              | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 22/04/2020      |
| 11  | Nitrate (mg/L)                                        | TCVN 6180- 1996                                       | 0,66                | 50                  | 22/04/2020      |
| 12  | Nitrite (mg/L)                                        | SMEWW 4500- NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> B - 2012 (*) | 0,02                | 3                   | 22/04/2020      |
| 13  | pH                                                    | TCVN 6492:2011 (*)                                    | 7,00                | 6,5 - 8,5           | 23/04/2020      |
| 14  | Sắt tổng cộng (mg/L)                                  | SMEWW 3500 Fe - B - 2012                              | 0,05                | 0,3                 | 22/04/2020      |
| 15  | Sulphat (mg/L)                                        | SMEWW 427 C - 2012                                    | 207,4               | 250                 | 22/04/2020      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 0242.20

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày xét nghiệm |
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 4 năm 2020

GIÁM ĐỐC

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

*[Signature]*

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

| Stt | Chỉ tiêu               | Phương pháp          | Kết quả | Tiêu chuẩn |
|-----|------------------------|----------------------|---------|------------|
| 1   | Chỉ số vàng (mg/L)     | ISO 15708-1:2011 (B) | 0       | 0          |
| 2   | Chỉ số bạc (mg/L)      | ISO 15708-1:2011 (B) | 0       | 0          |
| 3   | Chỉ số đồng (mg/L)     | ISO 15708-1:2011 (B) | 0,02    | 0,02       |
| 4   | Chỉ số sắt (mg/L)      | ISO 15708-1:2011 (B) | 0,12    | 0,12       |
| 5   | Chỉ số mangan (mg/L)   | ISO 15708-1:2011 (B) | 0,02    | 0,02       |
| 6   | Chỉ số kẽm (mg/L)      | ISO 15708-1:2011 (B) | 0,02    | 0,02       |
| 7   | Chỉ số nhôm (mg/L)     | ISO 15708-1:2011 (B) | 0,02    | 0,02       |
| 8   | Chỉ số coban (mg/L)    | ISO 15708-1:2011 (B) | 0,02    | 0,02       |
| 9   | Chỉ số niken (mg/L)    | ISO 15708-1:2011 (B) | 0,02    | 0,02       |
| 10  | Chỉ số crom (mg/L)     | ISO 15708-1:2011 (B) | 0,02    | 0,02       |
| 11  | Chỉ số molybden (mg/L) | ISO 15708-1:2011 (B) | 0,02    | 0,02       |
| 12  | Chỉ số vanadi (mg/L)   | ISO 15708-1:2011 (B) | 0,02    | 0,02       |
| 13  | Chỉ số selen (mg/L)    | ISO 15708-1:2011 (B) | 0,02    | 0,02       |
| 14  | Chỉ số boron (mg/L)    | ISO 15708-1:2011 (B) | 0,02    | 0,02       |
| 15  | Chỉ số stronti (mg/L)  | ISO 15708-1:2011 (B) | 0,02    | 0,02       |

Số: 254 /XN-DP

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0243.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Anh Hiền, TT. Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 22/4/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN ( TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC )

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 22/04/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Chỉ tiêu                      | Phương pháp               | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------|---------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL) | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 23/04/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)  | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 23/04/2020      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)     | TCVN 6186- 1996 (*)       | 0,64                | 2                   | 22/04/2020      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                 | SMEWW 4500 - Cl F-2012    | 0,47                | 0,3 - 0,5           | 22/04/2020      |
| 5   | Độ đục (NTU)                  | SMEWW 2130B - 2012        | 0,53                | 2                   | 22/04/2020      |
| 6   | Độ màu (màu sắc) (TCU)        | SMEWW 2120C - 2012 (*)    | 4,33                | 15                  | 22/04/2020      |
| 7   | Mùi vị                        | Cảm quan                  | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 22/04/2020      |
| 8   | Sắt tổng cộng (mg/L)          | SMEWW 3500 Fe - B - 2012  | 0,08                | 0,3                 | 22/04/2020      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN ( TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 4 năm 2020

GIÁM ĐỐC



BS. Nguyễn Vĩnh Thanh Liêm